

MỘT SỐ KẾT QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở NHẬT BẢN

VŨ KIỀU OANH^(*)

Nhật Bản là quốc gia đã gặt hái được nhiều thành công trong việc lựa chọn chính sách phát triển quốc gia nói chung, cải cách hành chính nói riêng, đúng đắn ở những thời điểm lịch sử nhất định. Cuộc cải cách Minh Trị Duy Tân của Nhật hoàng Minh Trị năm 1868 dù đã qua hơn một thế kỷ nhưng vẫn được các học giả trong và ngoài nước Nhật Bản nhắc đến như một mốc son đưa Nhật Bản trở thành một nước TBCN ngang hàng với các nước tư bản Âu- Mỹ cuối thế kỷ XIX. Từ đó đến nay, Nhật Bản cũng đã tiến hành thêm nhiều lần cải cách hành chính. Sau Chiến tranh thế giới II, Nhật Bản thực hiện thêm 4 lần cải cách vào các thời kỳ 1945-1951, thập kỷ 1960, thập kỷ 1980 và gần đây là cuộc cải cách hành chính bắt đầu từ thập kỷ 1990 đến nay (chính thức khởi động vào tháng 10/1996). Cuộc cải cách này được coi là cuộc cải cách hành chính lớn nhất từ thời Minh Trị đến nay. Bài viết nêu khái quát diễn biến và một số kết quả chủ yếu trong thực tiễn cải cách của Nhật Bản từ khoảng thập kỷ 1990 đến nay, hy vọng từ đó có thể rút ra những điều cần thiết cho cuộc cải cách hành chính đang tiến hành ở Việt Nam.

1. Nhìn tổng quát, cuộc cải cách hành chính ở Nhật Bản xuất phát từ bốn nguyên nhân chủ yếu. Thứ nhất là sau khi thất bại trong Chiến tranh thế giới II, ở vị trí kẻ thua trận, bị chiến tranh tàn phá, cộng với áp lực của lực lượng đồng minh chiến thắng, Nhật Bản bắt buộc phải thực hiện cải cách mạnh mẽ nhằm ổn định và tái thiết đất nước, loại bỏ những tàn dư phong kiến và quân phiệt trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội. Cuộc cải cách dân chủ đó đã giúp Nhật Bản nhanh chóng phục hồi nền kinh tế sau chiến tranh, tạo nền tảng cho Nhật Bản bước vào giai đoạn phát triển “thần kỳ” trong hai thập niên 60-70, trở thành cường quốc kinh tế đứng thứ 2 thế giới từ thập niên 70.

Nhưng sau những thành công rực rỡ về kinh tế đó, người Nhật lại phát sinh tâm lý chung là *ỷ lại*. Người dân ỷ lại vào Nhà nước, các đơn vị cấp dưới thiếu chủ động, không dám tự quyết và chờ đợi cấp trên. Điều đó tất yếu dẫn đến sự trì trệ. Cần phải tiến hành cải cách để làm thay đổi thói quen tiêu cực đó. Nguyên nhân thứ hai nằm ở chính bản thân người có vị trí cao nhất trong bộ máy Nhà nước Nhật Bản. Theo cơ chế hiện hành thì Chủ tịch của Đảng cầm quyền đương nhiên sẽ trở thành Thủ tướng. Nhưng chính đảng đang cầm quyền hiện nay là Đảng Dân chủ tự do

^(*) Viện Thông tin Khoa học xã hội.

Nhật Bản (LDP) với nhiều phe phái lại có sự phân hoá sâu sắc. Do đó, vì sự tồn tại của mình, Thủ tướng luôn phải cố gắng giữ mối quan hệ hài hoà giữa các phe phái trong Đảng. Điều này dẫn đến Thủ tướng sẽ có những mặt hạn chế nhất định trong lãnh đạo, điều hành. *Nguyên nhân thứ ba* liên quan đến cơ chế vận hành của Chính phủ. Trong khi Thủ tướng và nội bộ Đảng đã có những hạn chế như vậy thì chính Chính phủ Nhật Bản cũng tồn tại nhiều bất cập, nhất là sự chia rẽ theo ngành dọc. Mỗi bộ dường như là một lãnh địa riêng, các chính trị gia cũng có những quyền lợi riêng trong việc hoạch định chính sách dẫn đến việc hình thành các nhóm lợi ích cục bộ. Với thực tế như vậy, Chính phủ Nhật Bản sẽ trở nên thiếu ổn định và thiếu khả năng phản ứng nhanh với các tình huống cấp bách, thiên tai; có xu hướng phục vụ lợi ích của các nhóm nhỏ, không đại diện cho lợi ích của đông đảo quần chúng. Việc thực hiện cải cách hành chính còn nhằm mục đích giảm chi tiêu cho Chính phủ Nhật Bản có thể được coi là *nguyên nhân thứ tư* của cuộc cải cách này.

Từ những nguyên nhân trên đây, Nhật Bản buộc phải tiến hành một cuộc cải cách lớn để giải quyết các bất cập đang tồn tại làm suy giảm hiệu quả của bộ máy hành chính Nhà nước. Mục tiêu cụ thể được đặt ra của cuộc cải cách là xây dựng bộ máy Chính phủ gọn nhẹ, minh bạch, linh hoạt, hiệu quả để thích ứng kịp thời với những biến đổi thường xuyên của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội; nâng cao tinh thần tự lập, giảm bớt sự ỷ lại vào Chính phủ của các đơn vị hành chính cấp dưới, của nhân dân; tăng cường vai trò lãnh đạo, kiểm soát của Thủ tướng đối với nền hành chính

và với các phe phái trong nội bộ của Đảng cầm quyền.

Để thực hiện cải cách, Nhật Bản đã xây dựng hệ thống pháp lý và chính sách làm cơ sở cho cải cách. Nhà nước đã kịp thời ban hành nhiều luật lệ phục vụ cho cải cách hành chính như: Luật Thủ tục hành chính (1993), Luật Xây dựng văn phòng Nội các (1999), thông qua Kế hoạch cải cách hành chính tổng thể điều chỉnh cả gói và được cụ thể hoá bằng các chương trình và giải pháp thực hiện cụ thể (1993), thành lập Hội đồng cải cách hành chính và cải cách cơ cấu (1996), 17 luật về tổ chức, hoạt động của các cơ quan hành chính Trung ương và cơ quan hành chính độc lập (1999), 61 luật quy định vai trò, chức năng của các bộ và các cơ quan mới dự kiến được thành lập (1999) và 90 nghị định của Chính phủ về tổ chức bên trong của các bộ, các hội đồng và các tổ chức khác (2000)...

2. Một số thành quả đạt được trong quá trình cải cách hành chính của Nhật Bản:

a. Tăng cường chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nội các và Thủ tướng

Điều này được thực hiện thông qua việc bổ sung, sửa đổi Luật về Nội các với các quy định nâng cao vai trò của Phủ Nội các so với các bộ, đồng thời cũng nhằm tăng cường quyền lực và khả năng kiểm soát của Thủ tướng đối với các bộ. Phủ Nội các có 2 cơ quan khác nhau: Ban Thư ký Nội các và Văn phòng do Thủ tướng trực tiếp chỉ đạo, có quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó Văn phòng Nội các là cơ quan hỗ trợ hành chính cho Ban Thư ký Nội các. Đây là cơ quan hành chính có vai trò kép, thay thế cho Văn phòng Thủ tướng trước đây.

Một mặt, nó có trách nhiệm hỗ trợ cho Nội các trong việc thực hiện các chính sách quan trọng; mặt khác, nó được xếp là cơ quan ngang bộ có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý các vấn đề của các cơ quan trong bộ máy hành chính. Dưới sự quản lý của Văn phòng Nội các, Ủy ban Kinh Tế và Tài chính, Ủy ban Khoa học và Công nghệ có vai trò giúp Nội các xây dựng các chính sách kinh tế, khoa học và công nghệ. Văn phòng Nội các còn có một số cơ quan khác như: Hội đồng bình đẳng giới, Hội đồng phòng chống thiên tai, Ủy ban năng lượng nguyên tử, Cục phòng vệ, Cơ quan giám sát tài chính, Cục Nhân sự quốc gia... Các chuyên gia giỏi có kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, nghệ thuật, khoa học, phòng chống thiên tai, bình đẳng giới... được điều động về Văn phòng Nội các, Ban Thư ký Nội các để trực tiếp soạn thảo các dự án, hoạch định và điều hoà chính sách. Chính vì vậy việc trình các dự án và hoạch định chính sách hiệu quả hơn trước đây, khi mà Văn phòng Thủ tướng muốn hoạch định chính sách theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng phải nhờ Bộ Tài chính, Cục Khoa học- Kỹ thuật và nhiều cơ quan khác nghiên cứu, mổ xẻ, điều hoà các ý kiến một cách khó khăn, phức tạp.

b. Phân quyền và cải cách chính quyền địa phương

Nhật Bản đã tiến hành sắp xếp lại các tỉnh, thành, những cơ quan tự quản trên cơ sở rộng rãi, gắn với sự ra đời của các tiểu bang. Mục đích nhằm hợp nhất các tỉnh hiện có thành 7-9 tiểu bang để cơ cấu lại hệ thống chính quyền 2 cấp vốn được hình thành từ sau Thế chiến thứ II, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, tạo ra những cơ quan tự quản xử lý các công việc

hành chính Nhà nước, “thực hiện dân giàu nước mạnh và đóng góp tích cực cho cộng đồng quốc tế”.

Trong thập niên cuối thế kỷ XX, Nhật Bản đã liên tiếp ban hành các văn bản luật về phân quyền địa phương như: Nghị quyết về Phân quyền của Quốc hội Nhật Bản (1993), Luật Xúc tiến phân quyền địa phương (1995), Luật Tổng hợp về phân quyền địa phương (1999)... Từ 1995-1998, Ủy ban xúc tiến phân quyền đã đưa ra 5 bản kiến nghị về các vấn đề như bãi bỏ chế độ uỷ nhiệm nhiệm vụ cho địa phương, sửa lại các quy chế nhằm thu hẹp sự can thiệp của Chính phủ... Luật về phi tập trung hoá toàn diện được Quốc hội thông qua có hiệu lực vào năm 2000 đã đưa cuộc cải cách theo hướng phi tập trung hoá với khẩu hiệu “Từ Trung ương về địa phương” (chuyển giao cho địa phương các công việc do Trung ương quản lý, đồng thời chuyển từ cơ chế tập trung sang phân quyền) và “Từ quan chức về người dân” (tư nhân hoá, phi điều tiết các công việc hành chính và quản lý doanh nghiệp). Tiếp theo đó, Chính phủ đã thành lập Ủy ban Giám sát và thực thi các luật về vấn đề này. Việc phân quyền cho địa phương được thực hiện trên các phương diện chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, thúc đẩy quá trình phân công chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương. Quy định các nguyên tắc mới để kiểm soát sự can thiệp hành chính trên diện rộng của Trung ương với chính quyền địa phương, trong đó có 3 nguyên tắc cơ bản: sự can thiệp phải dựa trên quy định của pháp luật; ưu tiên tôn trọng Luật tự trị địa phương; công bằng, minh bạch. Với Chương trình phi tập

trung hoá này, vai trò của Nhà nước chỉ giới hạn trong các công việc có liên quan đến sự tồn vong của quốc gia trong mối quan hệ với cộng đồng quốc tế, quản lý những doanh nghiệp có quy mô lớn, những công việc liên quan đến người dân theo chuẩn mực quốc gia; chính quyền địa phương sẽ thực hiện quyền quản lý, quyết định đối với những công việc hàng ngày liên quan đến đời sống xã hội trên địa bàn hành chính của mình. Theo đó, tính độc lập, tự chủ và sáng tạo của địa phương sẽ được nâng lên, hiệu quả công việc cao hơn.

Thứ hai, củng cố cơ sở tài chính cho địa phương để thực hiện tự quản và độc lập về tài chính, hay chính là phân quyền tài chính đầy đủ hơn cho địa phương. Trước đây, theo quy định, các nguồn thu của địa phương đều phải nộp cho Trung ương, sau đó Trung ương sẽ quyết định phân bổ kinh phí chi tiêu cho địa phương. Thực tế nguồn thu của mỗi địa phương là khác nhau nên dẫn đến tình trạng không công bằng trong việc thu chi, phân bổ tài chính, không khuyến khích các địa phương tìm cách tăng nguồn thu và sử dụng một cách chủ động, hiệu quả nguồn tài chính. Do đó, việc cải cách phân quyền tài chính tập trung vào 2 nội dung chủ yếu là: 1- Cải cách các nguồn thu của địa phương (Thuế phân chia địa phương, chi tiêu cho Nhà nước, công trái địa phương...); 2 - Mở rộng quyền tự chủ tài chính cho địa phương, khuyến khích sự sáng tạo, tự chủ của địa phương nhằm đảm bảo thu chi có hiệu quả nguồn tài chính, giảm bớt sự can thiệp của Nhà nước.

c. Tinh giản bộ máy hành chính

Ngày 6/1/2001, Nhật Bản đã tiến hành cải tổ bộ máy của Chính phủ, sắp

xếp, thành lập các bộ mới dựa trên các quan điểm chỉ đạo và nguyên tắc:

- Tách chức năng soạn thảo chính sách và lập kế hoạch khỏi chức năng thực hiện chính sách.

- Tăng cường sự hợp tác giữa các bộ phận soạn thảo và thực thi chính sách của Chính phủ trên cơ sở xác định rõ trách nhiệm của từng bên và thiết lập bộ phận để đánh giá chính sách.

- Tổ chức các bộ theo mục tiêu chức năng.

- Sắp xếp lại, hợp nhất các bộ theo các chức năng rộng lớn hơn để thu gọn bộ máy.

- Chú ý đến các xung đột về quyền lợi để tổ chức cho hợp lý.

- Đảm bảo sự cân đối tương đối giữa các bộ để cân bằng quyền lực và thuận lợi trong phối hợp.

- Việc phối hợp giữa các bộ dựa trên mục tiêu, trách nhiệm của từng bộ.

Sau một thời gian tiến hành, qua 2 lần cải cách bộ máy Chính phủ ở Trung ương đã được thu gọn đáng kể. Lần thứ nhất giảm từ 23 bộ xuống còn 12 bộ, lần thứ 2 giảm xuống còn 10 bộ bao gồm: Bộ Quản lý công cộng, Nội vụ và Bưu chính viễn thông; Bộ đất đai, Cơ sở hạ tầng và Vận tải... (là các siêu bộ được hình thành trên cơ sở tái hợp một số bộ, ngành); Bộ Tư pháp; Bộ Ngoại giao; Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục, Văn hoá, Thể thao, Khoa học và Công nghệ; Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi; Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Ngư nghiệp; Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp; Bộ Môi trường.

Ủy ban An toàn công cộng quốc gia và Cục Phòng vệ đã được đưa về trực

thuộc Văn phòng Nội các và có quy chế tương đương cơ quan ngang bộ.

Cùng với việc thu gọn các bộ, Nhật Bản cũng đã tiến hành giảm đáng kể số lượng các tổ chức bên trong của các bộ thông qua việc chuyển một số cơ quan của Chính phủ thành cơ quan hành chính độc lập ngoài bộ hoặc tư nhân hoá. Từ 128 đơn vị cấp vụ, cục và tương đương thuộc các cơ quan hành chính trước đây nay đã giảm xuống còn 96 đơn vị (giảm 25%); từ 1600 đơn vị cấp phòng và tương đương thuộc các cơ quan, tổ chức nay giảm xuống còn 995 đơn vị. Số lượng công chức làm việc tại các cơ quan hành chính đã giảm khoảng 300.000 người và vẫn đang có kế hoạch tiếp tục giảm.

Ngày 17/4/1999, Chính phủ đã đưa ra các biện pháp cụ thể cho “Các chính sách xúc tiến cải cách Chính phủ Trung ương”. Ban thư ký về Xúc tiến cải cách hành chính của Nội các đã chỉ đạo việc hiện thực hoá các biện pháp này và thông qua bản “Hướng dẫn cải cách hệ thống dân sự phục vụ công cộng” đã được Nội các phê duyệt ngày 25/12/2001 với mục tiêu giảm 25% công chức nhà nước trong vòng 10 năm. Đây được coi là một chủ trương táo bạo vì đây là lần đầu tiên Nhật Bản kiên quyết cắt giảm số lượng lớn nhân viên nhà nước trong bối cảnh Nhật Bản đang đối mặt với nhiều khó khăn thách thức về kinh tế lẫn chính trị, xã hội.

Luật Cải cách hành chính Nhật Bản được Thượng viện thông qua ngày 26/5/2006 cũng đã đề nghị Chính phủ tổ chức tốt hơn hệ thống bộ máy quan liêu bằng cách giảm số nhân viên Chính phủ từ 332.000 người xuống 16.600 người và kêu gọi tổ chức lại 4 cơ quan tài chính

nhà nước thành 1 cơ quan duy nhất vào năm 2008.

d. Cải cách thủ tục hành chính

Để giảm bớt các thủ tục và minh bạch hoá các hoạt động hành chính, tháng 11/1993, Nhật Bản đã ban hành Luật Thủ tục hành chính. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để đảm bảo lợi ích của các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ hành chính, giúp cho việc giải quyết các thủ tục hành chính đạt hiệu quả hơn. Sự ra đời của Luật này trong điều kiện kinh tế thị trường mở hiện nay của Nhật Bản đã góp phần nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của Nhật Bản, giúp giảm thiểu các thủ tục hành chính và mở rộng cơ hội tiếp nhận với các quy định quốc tế trong các lĩnh vực hành chính có liên quan.

Chính phủ Nhật Bản đã áp dụng các biện pháp chủ yếu sau để giảm bớt các thủ tục và minh bạch các hoạt động hành chính:

- Coi trọng các ý kiến tư vấn, đóng góp của các hiệp hội nghề nghiệp, các nhà chính trị, hành chính và dân chúng về cải cách thủ tục hành chính.

- Từ năm 2003, đưa vào sử dụng hệ thống thủ tục hành chính không dùng giấy tờ (No-Action-Letter) để giúp cho hoạt động kinh doanh trở nên thuận lợi, hiệu quả hơn, nhất là trong xuất nhập khẩu và đầu tư.

- Sử dụng các phương tiện thông tin hiện đại, hệ thống Internet trong việc giải quyết các thủ tục hành chính. Đến tháng 4/2004, 97% các thủ tục quản lý của Chính phủ với khoảng hơn 13.000 thủ tục đã được giải quyết thông qua Internet.

- Cải tiến các thủ tục hải quan có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt là chủ trương thực hiện một cửa trong xuất nhập khẩu. Từ tháng 7/2003, Hải quan Nhật Bản làm việc 24h/ngày, 7ngày/tuần và giảm các lệ phí, thời gian thông quan cho hàng qua cảng.

- Nhanh chóng chuẩn hoá các thủ tục và tiêu chuẩn theo thông lệ quốc tế trong kinh tế và các lĩnh vực khác. “Trong báo cáo năm 1999 chỉ có 21% trong tổng số 8000 sản phẩm công nghiệp Nhật Bản phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế thì đến đầu năm 2002 đã đột ngột tăng lên 90%” (4).

Sau những nỗ lực cải cách, khi đến các cơ quan hành chính ở Nhật, công dân sẽ theo bảng chỉ dẫn để vào đúng bộ phận mà mình cần làm, được phát phiếu thứ tự với số hồ sơ thứ tự được hiện trên bảng điện tử. Trong khâu hướng dẫn khai hồ sơ, tất cả giấy tờ đều được quy chuẩn, trình bày khoa học hướng dẫn chi tiết để tiện cho người khai khi hoàn thiện hồ sơ.

e. Nâng cao phẩm chất, đạo đức cán bộ, công chức

Chính phủ Nhật Bản đã xây dựng 2 bộ luật rất quan trọng liên quan đến công chức là Luật Công chức và Luật Đạo đức công chức nhằm bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, phẩm chất, đạo đức và ý thức công dân của công chức. Việc chú trọng năng lực, kết quả công tác của công chức đảm bảo cho quá trình tuyển dụng công chức được diễn ra thực sự nghiêm túc, để công chức luôn là hình mẫu của công dân Nhật Bản đích thực để mọi người noi theo.

Chính phủ quy định công chức địa phương chỉ có nhiệm vụ duy nhất là phục vụ nhân dân, bị cấm tham gia các đảng

phái chính trị đi ngược lại quyền và lợi ích của đất nước, của nhân dân. Việc tuyển dụng cán bộ, công chức phải dựa trên đánh giá về trình độ, năng lực và thành tích đạt được. Xu hướng của cuộc cải cách công vụ ở Nhật Bản hiện nay là hướng tới việc bãi bỏ chế độ thâm niên công tác, áp dụng hệ thống tuyển dụng và trả lương dựa trên năng lực.

f. Cải cách hệ thống giải quyết tranh chấp hành chính

Năm 2004, Luật sửa đổi về Giải quyết vụ án hành chính theo tư tưởng “Nhà nước pháp quyền” đã được ban hành với phạm vi chế tài được mở rộng hơn, thiết lập hệ thống giải quyết tranh chấp hành chính thuận tiện và đơn giản cho người dân. Thời hiệu khởi kiện tại các toà án thông thường được kéo dài hơn, thiết lập hệ thống tư vấn cho người dân về thủ tục giải quyết tranh chấp hành chính, mở rộng thẩm quyền hệ thống toà án thông thường trong các tranh chấp hành chính, giảm nhẹ các điều kiện trong việc đình chỉ tạm thời việc thực hiện các quyết định hành chính. Theo luật mới, Toà án cấp dưới được độc lập trước sự áp đặt về việc sử dụng án lệ của Toà án tối cao; phải tìm ra những cải cách mang tính xây dựng và linh hoạt để thoát ra khỏi sự hạn chế đó.

Ngoài những nội dung cải cách chính đã nêu ở trên, Nhật Bản còn hình thành một hệ thống các tổ chức để đánh giá các giá trị và chính sách. Đây là một trong những nét mới của cuộc cải cách lần này tại Nhật Bản. Theo đánh giá của các chuyên gia thì hệ thống này sẽ phát huy giá trị tích cực đối với việc hoạch định và thực thi chính sách trong tương lai. Bên cạnh đó, Nhật Bản còn thành lập các tổ chức công, không nằm trong bộ máy Nhà

nước, nhằm xử lý các công việc chung hiệu quả và đơn giản hơn.

Thực tế cải cách hành chính ở Nhật Bản vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại. Giữa chủ trương, đề xuất đến kết quả còn là một quá trình dài. Tình hình khủng hoảng tài chính, các đảng phái có những quan niệm, ý kiến khác nhau và xu hướng tự do kiểu mới khiến cho cuộc cải cách của Nhật Bản còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, sự nhất trí ủng hộ rộng rãi của dân chúng, các đảng phái và các doanh nghiệp về chủ trương cải cách hành chính là những thuận lợi cơ bản để có thể huy động nguồn lực và sự sáng tạo hỗ trợ cho thành công của cuộc cải cách. Kết quả trực tiếp của cải cách hành chính đối với việc phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế là câu trả lời thuyết phục cho sự mong đợi của dân chúng.

Có thể nói, công cuộc cải cách hành chính ở Nhật Bản đã thu được kết quả khá tốt, tạo cơ sở vững chắc giúp Nhật Bản phát triển trong những năm tới đây xứng đáng với một nước văn minh, hiện đại, có nền kinh tế thuộc diện hàng đầu thế giới như hiện nay. Đánh giá về cuộc cải cách này, các học giả đã chỉ ra những yếu tố dẫn đến thành công đó là:

- Có quyết tâm chính trị cao và sự chỉ đạo mạnh mẽ về cải cách của các nhà lãnh đạo.

- Có sự ủng hộ nhất trí cao của các đảng phái cũng như quần chúng nhân dân. Thực tế thì sự ủng hộ của công chúng bản thân chưa đủ để cải cách mạnh mẽ, song nếu không có sự ủng hộ

đó thì việc thực hiện cải cách sẽ vô cùng khó khăn.

- Có sự phân tích và thảo luận kỹ lưỡng về các vấn đề và những giải pháp cho việc cải cách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Katsuya Ichihashi. Cải cách hệ thống giải quyết tranh chấp hành chính. Hội thảo “Cải cách hành chính và pháp luật ở Việt Nam và Nhật Bản”, tháng 12/2004.
2. Kazuho Hareyama. Cải cách chính phủ trung ương và hệ thống công vụ ở Nhật Bản. Hội thảo “Cải cách hành chính và pháp luật ở Việt Nam và Nhật Bản”, tháng 12/2004.
3. Mitsuhashi Yoshiaki. Cải cách hệ thống chính quyền địa phương ở Nhật Bản. Hội thảo “Cải cách hành chính và pháp luật ở Việt Nam và Nhật Bản”, tháng 12/2004.
4. Donald J. Devine. Victory for small government. *The Washington Times*, ngày 21/9/2005.
5. <http://www.nguoidaibieu.com.vn/Trangchu/VN/tabid/66/CatID/2/ContentID/31852/Default.aspx>
6. <http://www.caicachhanhchinh.gov.vn/Vietnam/NationalEstablish/>
7. <http://vietnamnet.vn/bandocviet/2005/12/526154/>
8. <http://www.cchctp.hochiminhcity.gov.vn/DetailNews.asp?page=27>
9. http://vysa.jp/index.php?option=com_content&task=view&id=712
10. <http://diaoc.tuotire.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID>